

Bản án số: 44/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2017

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Đỗ Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Ngô Thị Yêm.

2. Bà Nguyễn Thị Giang.

**Thư ký phiên toà:** Ông Hoàng Minh Anh- Thư ký Toà án nhân dân Huyện A, Thành phố Hà Nội.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện A, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện A, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2017 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2017/QĐXX-ST ngày 10/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1979.

HKTT: Thôn Y, Xã Y, Huyện G, Thành phố Hà Nội.

Tạm trú: Thôn T, Xã Đ, Huyện A, Thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Văn Đ, sinh năm 1977.

HKTT: Thôn P, Xã T, Huyện H, Tỉnh Thái Bình.

Tạm trú: Thôn T, Xã Đ, Huyện A, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Chị N.

Vắng mặt: Anh Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 17/5/2017 và các bản tự khai tiếp theo nguyên đơn trình bày:

Về tình cảm vợ chồng: Chị kết hôn với anh Đinh Văn Đ ngày 03/7/2014 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, Huyện H, Tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn hai vợ chồng anh chị thuê nhà, đăng ký tạm trú tại thôn T, xã Đ, Huyện A, Hà Nội để làm ăn và sinh sống. Năm 2015 vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh Đ có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, nhiều lần ngược đãi chị, có lần chị phải nhờ đến Công an xã Đ can thiệp. Trước khi kết hôn cả chị và Anh Đ đều đã có 01 lần ly hôn và hai bên đều có con riêng. Anh

Đ làm ở khu Sài Đồng và thường ngủ luôn lại đó, ít khi về nhà cùng mẹ con chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn Anh Đ.

Về con chung: Chị và Anh Đ sinh được 01 con chung là Đinh Ngọc A, sinh ngày 22/7/2015. Hiện cháu đang ở với chị, ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu Tòa giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Chị làm may tự do, thu nhập khoảng 4.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đinh Văn Đ trình bày:

Về tình cảm vợ chồng: Anh nhất trí như Chị N khai về thời gian, điều kiện kết hôn. Vợ chồng anh có mâu thuẫn nhưng không lớn, anh không ngoại tình. Vợ chồng anh thuê nhà sinh sống tại thôn T, xã Đ, Huyện A, không phải sống chung cùng bố mẹ. Bố mẹ anh và bố mẹ Chị N đều sinh sống tại quê Thái Bình nên không nắm được mâu thuẫn của anh chị. Trước khi kết hôn cả anh và Chị N đều đã có 01 lần ly hôn và hai bên đều có con riêng, anh không ngược đãi Chị N. Nay Chị N xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và Chị N sinh được 01 con chung là Đinh Ngọc A, sinh ngày 22/7/2015. Nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu Tòa giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh làm công nhân tại một công ty ở phường N, quận L, Hà Nội thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện A, Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như của các đương sự, trong vụ án này, bị đơn chấp hành pháp luật tố tụng dân sự không đầy đủ, cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị N về việc xin ly hôn Anh Đ.
- Về con chung: Giao con chung cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận sự tự nguyện của Chị N, Anh Đ không yêu cầu giải quyết.
- Về án phí: vụ án thuộc trường hợp phải chịu án phí không giá ngạch.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Thanh N có hộ khẩu thường trú tại Thôn Y, Xã Y, Huyện G, thành phố Hà Nội. Anh Đinh Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn P, Xã T, Huyện H, Tỉnh Thái Bình. Chị N và Anh Đ cùng con Đinh Ngọc A đăng ký tạm trú và sinh sống tại thôn T, xã Đ, Huyện A, Hà Nội từ ngày 29/6/2016, hiện hai anh chị đang cư trú tại xã Đ. Vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện A, Hà Nội.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: anh Đinh Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được tòa án giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Anh Đ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

{3} *Về nội dung*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thanh N kết hôn với anh Đinh Văn Đ ngày 03/7/2014 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, Huyện H, Tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn hai vợ chồng anh chị thuê nhà sinh sống tại xã Đ, Huyện A, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, Chị N xin ly hôn, Anh Đ không đồng ý ly hôn.

Kết quả thu thập chứng cứ thì thấy: Trước khi kết hôn cả Chị N và Anh Đ đều đã có 01 lần ly hôn và hai bên đều có con riêng. Cuộc sống chung của anh chị có mâu thuẫn, thường xảy ra xô sát. Ngày 29/5/2017 giữa Chị N và Anh Đ xảy ra đánh nhau, Công an xã Đ phải can thiệp, lập biên bản giải quyết yêu cầu hai vợ chồng không được làm ảnh hưởng đến trật tự khu dân cư. Tại Công an xã Đ Anh Đ đã viết bản kiểm điểm về việc xô sát với Chị N. Việc Chị N khai Anh Đ có quan hệ ngoại tình với người khác là có căn cứ vì chị cung cấp cho tòa án một số bức ảnh Anh Đ chụp chung cùng người phụ nữ khác khi ngủ, đi nghỉ mát. Đồng thời Chị N còn cung cấp tin nhắn của người phụ nữ đó nhắn đến số điện thoại của chị có nội dung thể hiện tình cảm yêu đương giữa Anh Đ và người phụ nữ đó. Anh Đ không có thiện chí hàn gắn tình cảm vì Tòa án đã thông báo hòa giải lần hai nhưng Anh Đ vắng mặt. Như vậy, thực tế hôn nhân của hai anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chính vì vậy, việc Chị N xin ly hôn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3.2] *Về con chung*: Chị N và Anh Đ sinh được 01 con chung là Đinh Ngọc A, sinh ngày 22/7/2015. Ly hôn cả Chị N và Anh Đ đều yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Nguyên vọng được nuôi con của hai anh chị đều là chính đáng, nhưng cháu Ngọc A hiện nay dưới 36 tháng tuổi, đang ở với Chị N và đang học ổn định tại trường mầm non xã Đ. Vì vậy cần giao con chung cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu Anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con, cần tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho Anh Đ là phù hợp pháp luật.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị N và Anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra để xem xét.

[4] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ:**

- Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28; Điều 227; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh N về việc xin ly hôn anh Đinh Văn Đ.

Chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn anh Đinh Văn Đ.

2. Về con chung: Chị N và Anh Đ sinh được 01 con chung là Đinh Ngọc A, sinh ngày 22/7/2015.

Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đinh Ngọc A, sinh ngày 22/7/2015. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đinh Văn Đ cho đến khi con chung thành niên hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận sự tự nguyện của Chị N, Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí số AB/2015/0000439 ngày 29/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện A. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. Án xử công khai sơ thẩm, Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND Huyện A.
- Những người tham gia tố tụng.
- UBND xã T, H. H.
- Lưu hồ sơ.

**Đỗ Thị Vân**



